TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị U, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Số căn cước công dân 096185002840 cấp ngày 11/10/2023

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: B tỉnh lộ C, ấp 12, xã PHĐ, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp KV, xã NVK, tỉnh Cà Mau; Bà Quách Ngọc B, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp C, xã TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lư Văn P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Võ Thị U tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị U và ông Lư Văn P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2011 tại UBND xã KH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Võ Thị U yêu cầu ly hôn với chồng là ông Lư Văn P.

Về con chung: Bà Võ Thị U và ông Lư Văn P có hai người con chung tên Lư Thúy D, sinh ngày 06/01/2007 (giới tính nữ) và Lư Quốc D, sinh ngày 23/9/2012 (giới tính nam). Cháu Thúy D đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, cháu Quốc D hiện do bà U nuôi dạy. Khi ly hôn, bà U yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Quốc D, không đặt ra yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thúy D đã trưởng thành nên bà U không đăt ra yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị U xác định bà và ông Lư Văn P không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Võ Thị U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lư Văn P. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Lư Văn P có nơi cư trú tại ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Lư Văn P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Võ Thị U xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà U và ông P theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Võ Thị U và ông Lư Văn P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2011 tại UBND xã KH. Ông bà chung sống vơi nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà U yêu cầu ly hôn với ông P. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông P đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà U xác định không còn tình cảm với ông P, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông P vắng mặt không có lí do, cho thấy ông P không có thiện chí đoàn tụ với bà U. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Võ Thị U và ông Lư Văn P được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Võ Thị U và ông Lư Văn P có hai người con chung tên Lư Thúy D, sinh ngày 06/01/2007 (giới tính nữ) và Lư Quốc D, sinh ngày 23/9/2012 (giới tính nam), cháu Quốc D hiện do bà nuôi dạy. Khi ly hôn, bà U yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Quốc D, không đặt ra yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi

con. Xét thấy, cháu Lư Quốc D hiện đang sống chung với bà U, cháu đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ, ông P không có ý kiến gì về việc nuôi dạy con chung nên chấp nhận cho bà U tiếp tục nuôi dạy cháu Lư Quốc D, bà U không đặt ra yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lư Thúy D đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân bà U không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị U xác định bà và ông Lư Văn P không có. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung là phù hợp.

[3] Các vấn đề khác: Bà Võ Thị U phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U về việc ly hôn đối với ông Lư Văn P.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị U và ông Lư Văn P được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Lư Quốc D, sinh ngày 23/9/2012 (giới tính nam) cho bà Nguyễn Thị Út tiếp tục nuôi dạy, bà U không đặt ra yêu cầu ông P về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị U xác định bà và ông Lư Văn P không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị U nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vào ngày 06 tháng 4 năm 2026, bà Võ Thị U có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003708 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 71, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã KL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh